

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 25/7/2024

Về việc “*Tranh chấp về chuyển giao
nghĩa vụ*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ung Thị Ngọc Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lương Thị Thu An**

Ông **Phạm Xuân Đỉnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Vũ Thị Vi - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sách – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về chuyển giao nghĩa vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-DS ngày 19/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Danh L, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà Trịnh Thị L1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, ấp E, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đinh Thị Y, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

Người làm chứng: Đặng Thị N, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đặng Danh L trình bày:

Vào tháng 09/2022 ông L làm công xây dựng nhà cho bà Đinh Thị Y. Khi xây nhà xong bà Y còn nợ ông L số tiền 40.000.000 đồng. Tháng 11/2023 bà Y chuyển

nhà đi vì lý do bà Y nhận chuyển nhượng đất của bà Trịnh Thị L1 mà chưa có tiền thanh toán nên bà L1 đòi đất. Bà Y thoả thuận với bà L1 là chuyển đi để lại nhà cho bà L1 thì bà L1 có trách nhiệm thanh toán tiền công xây nhà còn thiếu của ông L. Sau khi ba bên đồng ý có ra Công an xã N ký thoả thuận tại Công an xã, bà L1 đã đồng ý trả thay cho bà Y số tiền 20.000.000 đồng cho ông L, thời gian trả là 01 tháng từ ngày 21/11/2023 đến ngày 21/12/2023. Tuy nhiên đến nay bà L1 không trả tiền cho ông L. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trịnh Thị L1 phải trả cho ông L số tiền 20.000.000 đồng

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị L1 trình bày:

Trước đây bà L1 bán đất cho bà Y, bà Y chưa có tiền trả nhưng xin được xây nhà và nói tháng 6/2023 giao tiền cho bà L1. Đến tháng 10/2023 cũng không có tiền trả cho bà L1 nên bà Y bàn giao nhà cho bà L1 và xin thuê lại với giá 2.000.000 đồng tháng. Bà Y nợ tiền khắp nơi trong đó có tiền xây nhà của ông L. Sau đó ông L lên nhà đòi tiền nhiều lần mà bà Y không có tiền trả nên ông L mang đơn lên công an xã N thưa kiện. Bà L1 có lên công an làm việc thấy ông L làm thợ xây mưa gió cực khổ nên bà L1 mới hứa sẽ cho ông L số tiền 20.000.000 đồng. Nghe nói bà Y nợ ông L tầm 40.000.000 đồng mà bà L1 chỉ cho 20.000.000 đồng. Sau đó bà Y bỏ đi, bà L1 chưa gom tiền được để cho ông L thì ông L lên nhà bà L1 la toáng lên làm chồng bà L1 biết la bà L1, ông L còn làm đơn thưa bà L1 ra Công an xã N Công an xã có gọi bà L1 khuyên bà L1 thương người thì thương cho trót nên bà L1 chạy được 10.000.000 đồng để đưa cho ông L nhưng ông L lại mang đơn khởi kiện ra toà án. Do đó bà L1 không đồng ý cho ông L nữa, bà L1 không có nợ nần gì với ông L, bà L1 thấy thương mới đồng ý cho, còn giờ bà L1 không đồng ý cho nữa.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Y1 trình bày:

Vào năm 2022 bà Y1 có mua của bà L1 diện tích đất 10m x 6m tọa lạc tại ấp F, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Khi mua có lập giấy viết tay, giá 250.000.000 đồng/1m ngang, bà Y1 chưa trả tiền cho bà L1, hẹn 01 năm sau bà Y1 sẽ trả tiền cho bà L1. Khi mua bà L1 có nói với bà Y1 cứ xây nhà trước nên bà Y1 có xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất để ở. Đến 01 năm sau hẹn giao tiền thì bà L1 yêu cầu bà Y1 trả tiền nhưng bà Y1 chưa có nên có xin gia hạn thêm 03 tháng. Đến 03 tháng sau bà Y1 vẫn không có tiền trả nên bà L1 yêu cầu bà Y1 dọn ra khỏi đất để lại nhà cho bà L1. Bà Y1 có xin tiếp tục gia hạn cho bà Y1 được 01 tháng nữa, bà L1 yêu cầu bà Y1 phải trả tiền thuê mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Đến ngày 21/11/2023 ông L đến đòi tiền xây nhà do bà Y1 còn nợ ông L 20.000.000 đồng, bà Y1 không có tiền nên định gỡ bộ cửa chính để trả cho ông L thì bà L1 không đồng ý. Giữa bà L1, ông L cãi nhau, ông L có lên Công an xã N thì công an có gọi bà L1 và bà Y1 lên để làm việc. Tại công an xã bà Y1, bà L1, ông L thống với nhau nội dung biên bản thoả thuận ngày 21/11/2023 nên Công an xã N có lập biên bản thoả thuận ngày 21/11/2023 cho bà Y1, bà L1, ông L

cùng ký tên. Sau đó bà Y1 dọn quần áo, đồ dùng cá nhân đi ra khỏi nhà. Bà Y1 xác định chữ ký trong biên bản thỏa thuận ngày 21/11/2023 là của bà Y1. Sau khi ký biên bản thì nghĩa vụ trả nợ số tiền 20.000.000 đồng của bà Y1 đã chuyển giao cho bà L1. Nay ông L khởi kiện bà L1 yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng thì bà Y1 đồng ý và không yêu cầu giải quyết vấn đề gì cho bà Y1

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Đặng Danh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bị đơn bà Trịnh Thị L1 vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Y vắng mặt do có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng trong vụ án, về thời hiệu khởi kiện, hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về thủ tục nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuân thủ về thủ tục tổng đạt và giao các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ vụ án, tạm ứng án phí, hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quy định tại các điều 70, 72, 73 BLTTDS

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 186, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, 370 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Danh L. Buộc bà Trịnh Thị L1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Đặng Danh L số tiền 20.000.000 đồng

Về án phí: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét buộc bà L1 phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp chuyển giao quyền và nghĩa vụ” theo quy định tại điều khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bị đơn bà Trịnh Thị L1 có nơi cư trú tại Tổ G, ấp E, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng xây dựng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án là chưa chính xác, nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định lại như đã nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Danh L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa ông Đặng Danh L và bà Hồ Thị Y1 có quan hệ hợp đồng xây dựng nhà, ông L là người xây dựng nhà cho bà Y1. Khi xây nhà xong bà Y1 còn nợ ông L số tiền 40.000.000 đồng. Số nợ ông L cho rằng bà Trịnh Thị L1 đã nhận trả thay cho bà Y1 vì bà L1 là người nhận nhà của bà Y1 khi bà Y1 chuyển đi. Sự việc này được các bên ông L, bà L1, bà Y1 thống nhất tại Công an xã N và được lập thành văn thoả thuận ngày 21/11/2023, cam kết đến ngày 21/12/2023 bà L1 sẽ thanh toán cho ông L nhưng đến nay bà L1 không thực hiện theo cam kết. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông L cung cấp văn bản thoả thuận ngày 21/11/2023 nhưng chỉ cung cấp được bản photo, ông L cho rằng bản gốc do bà L1 cất giữ. Bà Đinh Thị L2 cho rằng bà không nhận trả thay mà chỉ hứa cho ông L, còn việc biên bản thoả thuận ghi bà trả thay là do anh M công an xã ghi bà không biết. Do ông L tới nhà la làm chồng bà L2 biết nên la bà L2 do đó bà L2 không đồng ý cho. Mặc dù biên bản thoả thuận ngày 21/11/2023 chỉ là bản photo nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2024 (bút lục số 17) bà L2 cho rằng bà chỉ hứa cho nhưng khi lập biên bản thoả thuận thể hiện nội dung bà đồng ý trả thay thì bà có đọc lại và đồng ý ký vào biên bản thoả thuận ngày 21/11/2023. Đồng thời biên bản thoả thuận nội dung có thoả thuận sự việc nêu trên cũng phù hợp lời khai của người làm chứng bà Đặng Thị N và người liên quan bà Hồ Thị Y1. Như vậy có đủ cơ sở xác định giữa bà Y1, bà L2 đã có sự thống nhất chuyển giao nghĩa vụ của Y1 sang bà L2 đối với việc thực hiện trả nợ số tiền 20.000.000 đồng cho ông L. Bà L2 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc bà ký vào biên bản thoả thuận nêu trên là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ vào Điều 370 Bộ luật dân sự khi chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ. Tại Biên bản thoả thuận ngày 21/11/2023 thời hạn thanh toán là 21/12/2023, đến nay đã qua thời hạn thanh toán nên căn cứ vào điều 278 Bộ luật dân sự cần buộc bà L2 thực

hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông L. Đối với việc bà L2 cho rằng bà chỉ hứa cho cú không trả thay nhưng quá trình giải quyết vụ án bà L2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2024 thể hiện công an xã N cung cấp thông tin công an xã không giải quyết vụ việc nêu trên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc bà Trịnh Thị L1 phải thanh toán cho ông L số tiền 20.000.000 đồng

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà L1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 1.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Đặng Danh L không phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 186, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 278, 370 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Danh L.

Buộc bà Trịnh Thị L1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Đặng Danh L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trịnh Thị L1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 1.000.000 đồng; Nguyên đơn ông Đặng Danh L không phải chịu. Ông L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004045 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành

3. Đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Đường sự;
- Lưu.

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Đính Nguyễn Việt Thành Võ Văn V

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Vân

